TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 27/2024/QĐST- DS	*Cờ Đỏ, ngày 19 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 223/2023/TLST - DS ngày 06 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B

Trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, TP ..

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc H – Giám đốc Trung tâm Q (Theo Quyết định ủy quyền số 239/2021/UQ-PCTT ngày 01/6/2021). Ông Nguyễn Phúc H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hồng T1, ông Trần Thanh T2 – Chuyên viên hiện trường (Giấy ủy quyền số 407/2023/UQ-BVBank ngày 30/6/2023 của Giám đốc Trung tâm Q1 nợ).

Bị đơn: Ông Mai Thanh L, sinh năm 1979; Bà Trương Thị M, sinh năm 1981. Cùng địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Văn H1, sinh năm 1953; Bà Trần Thị O, sinh năm 1953. Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn ông Mai Thanh L, bà Trương Thị M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tính đến ngày 10/4/2024 số tiền 979.370.347 đồng (Chín trăm bảy mươi chín triệu ba trăm bảy mươi ngàn ba trăm bốn mươi bảy

đồng), trong đó nợ gốc: 786.348.550 đồng; Nợ lãi trong hạn: 16.210.361 đồng; Nợ lãi quá hạn: 175.423.636 đồng; Nợ lãi phạt chậm trả: 1.387.800 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/4/2024 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng cá nhân số 0652100027300 ngày 14/9/2021, Hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng cá nhân số 0652100039700 ngày 17/12/2021, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng số 06519000008TD ngày 05/02/2020. Cụ thể theo từng hợp đồng như sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng cá nhân số 0652100027300 ngày 14/9/2021 tính đến ngày 10/4/2024, còn nợ tổng số tiền 887.742.813 đồng, trong đó nợ gốc 714.005.717 đồng, nợ lãi trong hạn 13.640.549 đồng, nợ lãi quá hạn 158.836.811 đồng, nợ lãi phạt chậm trả 1.259.736 đồng. Theo hai giấy nhận nợ như sau:

+ Giấy nhận nợ số 0652100027300002 ngày 03/12/2021 với số nợ 732.206.723 đồng. Trong đó nợ gốc là 589.005.717 đồng, nợ lãi trong hạn là 0 đồng, nợ lãi quá hạn là 143.201.006 đồng;

+ Giấy nhận nợ số 0652100027300003 ngày 09/9/2022 với số nợ 155.536.090 đồng. Trong đó nợ gốc là 125.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.640.549 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.635.805 đồng, nợ lãi phạt chậm trả 1.259.736 đồng.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức khách hàng cá nhân số 0652100039700 ngày 17/12/2021 tính đến ngày 10/4/2024, còn nợ lại tổng số tiền 87.680.653 đồng, trong đó nợ gốc là 69.999.994 đồng; nợ lãi trong hạn là 965.770 đồng; nợ lãi quá hạn là 6.586.825 đồng; nợ lãi phạt chậm trả 128.064 đồng.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở thẻ tín dụng số 06519000008TD ngày 05/02/2020 hạn mức 18.000.000 đồng. Tính đến ngày 10/4/2024, còn nợ tổng số tiền 3.946.881 đồng, trong đó nợ gốc là 2.342.839 đồng, nợ lãi là 1.604.042 đồng.

Trường hợp ông Mai Thanh L, bà Trương Thị M không thanh toán nợ cho Ngân hàng số tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0651900123600 ngày 28/12/2019 để thu hồi nợ các khoản nợ trên. Trong trường hợp sau khi phát mãi mà tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông L, bà M phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Cách thức trả và thời gian thanh toán do các bên tự thỏa thuận nếu không thống nhất sẽ yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự giải quyết theo thẩm quyền.

Bị đơn Mai Thanh L, bà Trương Thị M tự nguyện chịu chi phí thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã chi xong nên ông L, bà M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn phải nộp 20.690.555 đồng (Hai mươi triệu sáu trăm chín mươi ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Nguyên đơn được nhận lại 18.968.000 đồng (Mười tám triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007773 ngày 06/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Võ Trung Hậu

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND H. Cờ Đỏ;
- Chi cục Thi hành án DS H. Cờ Đỏ;
- Tòa án ND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.